

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Trâm**.

2. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 50, đường X, ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Hồ Phú Q**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2/55A, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:**

Chị T và anh Q chung sống vợ chồng vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung không có hạnh phúc do anh Q không quan tâm, chăm sóc vợ con. Ngoài ra, trong thời gian sống chung, anh Q còn giấu giếm tiền bạc, không đưa tiền cho chị T lo chi phí sinh hoạt trong gia đình nên chị và con phải sống nhờ vào sự chu cấp của cha mẹ ruột chị. Tháng 02/2017, anh Q về nhà cha mẹ ruột anh tại địa chỉ số 2/55A, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh sinh sống và anh chị ly thân cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Anh chị chung sống có một con chung là Hồ Phương U, sinh ngày 15/7/2015 đang sống với chị T. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, cần giao cháu Hồ Phương U cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Phú Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T và anh Q chung sống với nhau từ năm 2013 đến tháng 02/2017 thì sống ly thân cho đến nay. Qua lời trình bày của chị T thì mâu thuẫn chủ yếu giữa anh chị là do anh Q không quan tâm, chăm sóc vợ con, ngoài ra giữa anh chị còn thường xuyên bất hòa về vấn đề tiền bạc. Trong thời gian ly thân, anh Q không có thiện chí hàn gắn và cũng không quan tâm chăm sóc vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T, anh Q đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhận thấy, mục đích hôn nhân của chị T và anh Q không đạt được, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là Hồ Phương U, sinh ngày 15/7/2015 đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng: Cháu U vẫn còn nhỏ và đang sống ổn định cùng với mẹ. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt của cháu U nên cần giao cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Q không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù, Tòa án không làm việc được với anh Q, không biết được thu nhập và khả năng tài chính thực tế của anh nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu U và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Hồ Phú Q.

Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Hồ Phú Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Phương U, sinh ngày 15/7/2015 cho chị Trần Thị Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Hồ Phú Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Phương U hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2018) cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hồ Phú Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hồ Phú Q không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Q còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012006 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

Anh Hồ Phú Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu